

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Tạ Thị Tú Anh	HK1	7.7 ₂₂	5.6 ₃₉	6.7 ₂₇	8.2 ₈	8.0 ₁₅	7.5 ₃₂	8.1 ₁₃	8.9 ₁	8.0 ₆	6.8 ₃₁	8.6 ₉	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	K	TT	
2	Đặng Thị Minh Ánh	HK1	6.2 ₃₈	5.4 ₄₂	6.0 ₃₉	7.0 ₃₈	6.7 ₄₄	8.4 ₂	8.6 ₂	8.1 ₁₅	7.5 ₁₈	6.9 ₂₈	6.6 ₄₂	Đ			7.0 ₃₇	0 0	K	T	TT	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	HK1	8.2 ₁₃	7.8 ₁	7.7 ₆	7.3 ₃₃	8.0 ₁₅	7.5 ₃₂	8.1 ₁₃	7.6 ₃₇	7.2 ₃₂	7.4 ₁₀	8.0 ₁₉	Đ			7.7 ₁₁	0 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Thị Bích	HK1	5.6 ₄₅	5.7 ₃₈	5.6 ₄₃	6.1 ₄₇	5.9 ₄₆	7.1 ₄₅	7.4 ₃₅	8.1 ₁₅	7.2 ₃₂	6.6 ₃₅	7.1 ₃₅	Đ			6.6 ₄₄	0 0	K	K	TT	
5	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	HK1	7.9 ₁₇	6.3 ₂₅	6.6 ₃₀	7.5 ₂₇	7.6 ₂₂	8.0 ₁₂	7.3 ₃₉	8.4 ₆	6.9 ₄₀	7.8 ₂	8.8 ₈	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	T	TT	
6	Nguyễn Thị Quế Chi	HK1	8.9 ₁	7.7 ₂	7.3 ₁₂	7.7 ₂₀	8.4 ₅	8.4 ₂	8.1 ₁₃	8.4 ₆	8.7 ₁	7.5 ₈	8.1 ₁₄	Đ			8.1 ₁	3 0	G	T	GIOI	
7	Nguyễn Thị Chinh	HK1	7.7 ₂₂	5.8 ₃₅	7.0 ₁₇	7.5 ₂₇	7.6 ₂₂	7.5 ₃₂	6.1 ₄₆	7.4 ₄₄	7.6 ₁₅	6.7 ₃₃	8.1 ₁₄	Đ			7.2 ₃₀	0 0	K	T	TT	
8	Phạm Thị Kim Cúc	HK1	8.7 ₃	6.6 ₁₄	7.9 ₄	8.5 ₃	7.9 ₁₈	7.9 ₁₇	8.3 ₆	8.6 ₃	7.6 ₁₅	7.0 ₂₂	9.1 ₃	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
9	Nguyễn Thị Bích Diệp	HK1	8.3 ₁₀	7.4 ₅	7.1 ₁₅	7.6 ₂₄	8.1 ₉	8.1 ₇	8.1 ₁₃	8.7 ₂	7.7 ₁₂	7.1 ₁₇	6.9 ₃₉	Đ			7.7 ₁₁	0 0	K	T	TT	
10	Lê Thị Kỳ Duyên	HK1	8.0 ₁₅	6.6 ₁₄	6.7 ₂₇	7.8 ₁₅	7.5 ₂₆	8.1 ₇	8.0 ₁₈	8.3 ₁₂	7.5 ₁₈	7.4 ₁₀	7.6 ₂₉	Đ			7.6 ₁₃	3 0	K	T	TT	
11	Nguyễn Thị Dương	HK1	7.8 ₂₀	7.5 ₄	7.2 ₁₄	8.3 ₆	8.6 ₃	8.1 ₇	8.2 ₁₁	7.9 ₂₅	7.7 ₁₂	7.1 ₁₇	9.2 ₂	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
12	Lê Thị Hà	HK1	8.6 ₅	6.6 ₁₄	8.1 ₂	8.6 ₂	8.5 ₄	8.2 ₅	8.0 ₁₈	8.6 ₃	7.4 ₂₅	8.1 ₁	8.9 ₇	Đ			8.1 ₁	0 0	G	T	GIOI	
13	Lê Thị Hải	HK1	7.9 ₁₇	6.0 ₃₂	6.9 ₂₁	7.8 ₁₅	7.5 ₂₆	8.0 ₁₂	8.3 ₆	8.0 ₂₁	7.5 ₁₈	7.1 ₁₇	9.1 ₃	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	T	TT	
14	Nguyễn Thu Hiền	HK1	8.3 ₁₀	7.1 ₉	8.0 ₃	7.8 ₁₅	8.4 ₅	8.0 ₁₂	8.3 ₆	8.3 ₁₂	8.7 ₁	7.0 ₂₂	8.0 ₁₉	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
15	Phạm Thị Hoa	HK1	5.3 ₄₇	6.2 ₂₉	6.5 ₃₄	8.0 ₁₀	7.4 ₂₉	8.2 ₅	7.4 ₃₅	7.9 ₂₅	7.1 ₃₈	7.1 ₁₇	7.9 ₂₂	Đ			7.2 ₃₀	0 0	K	T	TT	
16	Phạm Thị Hoa	HK1	7.9 ₁₇	6.7 ₁₂	7.0 ₁₇	7.1 ₃₆	8.1 ₉	7.6 ₂₆	7.6 ₃₁	7.8 ₃₂	6.8 ₄₂	5.7 ₄₇	5.5 ₄₇	Đ			7.1 ₃₄	0 0	K	T	TT	
17	Phạm Thị Hoán	HK1	8.9 ₁	6.6 ₁₄	7.5 ₁₀	8.3 ₆	8.1 ₉	8.3 ₄	8.2 ₁₁	8.1 ₁₅	8.1 ₅	7.6 ₄	8.6 ₉	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
18	Nguyễn Thị Huệ	HK1	7.5 ₂₆	5.8 ₃₅	6.1 ₃₇	7.6 ₂₄	8.1 ₉	7.8 ₂₃	9.0 ₁	7.9 ₂₅	7.4 ₂₅	6.5 ₃₈	7.3 ₃₃	Đ			7.4 ₂₃	1 0	K	T	TT	
19	Nguyễn Thị Huệ	HK1	6.2 ₃₈	5.2 ₄₅	5.6 ₄₃	6.8 ₄₀	7.0 ₃₇	7.4 ₃₈	5.0 ₄₇	7.4 ₄₄	6.5 ₄₅	6.6 ₃₅	7.7 ₂₆	Đ			6.5 ₄₇	5 0	K	T	TT	
20	Nguyễn Thị Huệ	HK1	8.1 ₁₄	6.4 ₂₁	7.3 ₁₂	6.8 ₄₀	8.1 ₉	7.6 ₂₆	8.4 ₃	7.6 ₃₇	7.5 ₁₈	7.3 ₁₄	7.9 ₂₂	Đ			7.5 ₂₁	0 0	K	T	TT	
21	Trần Thị Huệ	HK1	6.0 ₄₁	5.3 ₄₄	5.6 ₄₃	6.2 ₄₅	7.1 ₃₄	7.0 ₄₇	6.7 ₄₂	7.7 ₃₄	7.3 ₂₉	6.3 ₄₁	7.0 ₃₆	Đ			6.6 ₄₄	0 0	K	T	TT	
22	Nguyễn Thị Thanh Huyền	HK1	7.3 ₂₉	5.8 ₃₅	7.0 ₁₇	7.4 ₃₂	8.1 ₉	7.9 ₁₇	7.4 ₃₅	7.3 ₄₆	8.0 ₆	6.5 ₃₈	8.0 ₁₉	Đ			7.3 ₂₇	1 0	K	T	TT	
23	Nguyễn Thị Thảo Huyền	HK1	6.1 ₄₀	6.3 ₂₅	6.6 ₃₀	6.8 ₄₀	7.0 ₃₇	7.4 ₃₈	6.7 ₄₂	7.5 ₄₃	7.2 ₃₂	6.0 ₄₅	7.0 ₃₆	Đ			6.8 ₄₁	0 0	K	T	TT	
24	Đỗ Thị Huyền	HK1	7.5 ₂₆	6.3 ₂₅	7.6 ₇	7.7 ₂₀	7.1 ₃₄	7.5 ₃₂	8.0 ₁₈	7.6 ₃₇	7.3 ₂₉	7.0 ₂₂	8.3 ₁₂	Đ			7.4 ₂₃	0 0	K	T	TT	
25	Nguyễn Thị Huyền	HK1	8.5 ₇	7.2 ₈	7.6 ₇	8.1 ₉	8.3 ₇	7.9 ₁₇	7.9 ₂₂	8.1 ₁₅	8.5 ₃	7.6 ₄	8.1 ₁₄	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
26	Phạm Thị Huyền	HK1	7.8 ₂₀	6.3 ₂₅	6.8 ₂₄	7.8 ₁₅	6.9 ₃₉	7.1 ₄₅	8.3 ₆	8.0 ₂₁	7.5 ₁₈	6.9 ₂₈	6.6 ₄₂	Đ			7.3 ₂₇	0 0	K	T	TT	
27	Phạm Thị Huyền	HK1	7.3 ₂₉	6.4 ₂₁	6.6 ₃₀	7.5 ₂₇	7.3 ₃₁	8.1 ₇	8.4 ₃	8.4 ₆	8.0 ₆	7.3 ₁₄	7.9 ₂₂	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	T	TT	
28	Nguyễn Thị Hương	HK1	7.5 ₂₆	6.2 ₂₉	7.8 ₅	7.7 ₂₀	6.9 ₃₉	7.9 ₁₇	7.3 ₃₉	7.9 ₂₅	7.4 ₂₅	6.3 ₄₁	6.6 ₄₂	Đ			7.2 ₃₀	0 0	K	T	TT	
29	Hoàng Văn Mạnh	HK1	6.5 ₃₃	6.6 ₁₄	6.0 ₃₉	8.0 ₁₀	6.9 ₃₉	7.4 ₃₈	7.6 ₃₁	7.8 ₃₂	6.7 ₄₃	6.0 ₄₅	6.5 ₄₆	Đ			6.9 ₄₀	0 0	K	K	TT	
30	Trần Văn Mạnh	HK1	6.4 ₃₅	7.6 ₃	6.3 ₃₅	8.0 ₁₀	6.9 ₃₉	7.5 ₃₂	7.9 ₂₂	7.6 ₃₇	6.6 ₄₄	6.1 ₄₄	6.9 ₃₉	Đ			7.1 ₃₄	1 0	K	T	TT	
31	Vũ Thị Minh	HK1	8.6 ₅	7.1 ₉	6.9 ₂₁	7.9 ₁₃	8.9 ₁	8.5 ₁	8.3 ₆	8.4 ₆	8.0 ₆	7.7 ₃	7.7 ₂₆	Đ			8.0 ₃	6 0	G	T	GIOI	
32	Trần Thị Na	HK1	7.2 ₃₁	7.3 ₇	6.1 ₃₇	8.7 ₁	7.6 ₂₂	8.0 ₁₂	8.0 ₁₈	7.6 ₃₇	7.5 ₁₈	6.9 ₂₈	9.1 ₃	Đ			7.6 ₁₃	1 0	K	T	TT	
33	Lê Thị Hồng Ngọc	HK1	8.0 ₁₅	5.5 ₄₁	7.6 ₇	7.6 ₂₄	7.4 ₂₉	8.0 ₁₂	7.8 ₂₇	8.1 ₁₅	7.9 ₁₀	6.7 ₃₃	8.1 ₁₄	Đ			7.5 ₂₁	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Phạm Thị Minh Ngọc	HK1	8.7 ₃	6.5 ₂₀	7.1 ₁₅	7.9 ₁₃	7.8 ₁₉	7.5 ₃₂	7.7 ₂₉	7.9 ₂₅	7.2 ₃₂	7.6 ₄	8.2 ₁₃	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	T	TT	
35	Nguyễn Thị Nguyên	HK1	8.3 ₁₀	7.0 ₁₁	8.3 ₁	8.4 ₄	8.8 ₂	7.9 ₁₇	7.9 ₂₂	8.4 ₆	7.7 ₁₂	7.2 ₁₆	7.9 ₂₂	Đ			8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
36	Nguyễn Thị Nhung	HK1	8.5 ₇	6.7 ₁₂	6.6 ₃₀	7.3 ₃₃	8.2 ₈	8.1 ₇	7.8 ₂₇	8.4 ₆	7.6 ₁₅	7.0 ₂₂	9.3 ₁	Đ			7.8 ₁₀	0 0	K	T	TT	
37	Nguyễn Thị Phương	HK1	7.0 ₃₂	6.6 ₁₄	6.8 ₂₄	8.4 ₄	7.2 ₃₃	7.7 ₂₅	7.3 ₃₉	7.9 ₂₅	7.2 ₃₂	7.6 ₄	7.3 ₃₃	Đ			7.4 ₂₃	0 0	K	T	TT	
38	Nguyễn Thị Quế	HK1	7.6 ₂₄	5.2 ₄₅	6.8 ₂₄	6.5 ₄₃	7.6 ₂₂	7.4 ₃₈	8.1 ₁₃	7.7 ₃₄	7.4 ₂₅	6.4 ₄₀	9.0 ₆	Đ			7.2 ₃₀	0 0	K	T	TT	
39	Lê Thị Thanh Thảo	HK1	6.4 ₃₅	6.0 ₃₂	6.2 ₃₆	7.3 ₃₃	6.4 ₄₅	7.9 ₁₇	7.9 ₂₂	7.6 ₃₇	7.0 ₃₉	7.4 ₁₀	7.4 ₃₂	Đ			7.0 ₃₇	0 0	K	T	TT	
40	Trần Thị Ngọc Thư	HK1	6.0 ₄₁	6.4 ₂₁	6.9 ₂₁	7.1 ₃₆	7.3 ₃₁	7.4 ₃₈	6.4 ₄₅	6.6 ₄₇	7.3 ₂₉	6.3 ₄₁	7.0 ₃₆	Đ			6.8 ₄₁	0 0	K	T	TT	
41	Nguyễn Thị Thư	HK1	7.6 ₂₄	5.4 ₄₂	5.6 ₄₃	7.5 ₂₇	7.7 ₂₁	7.6 ₂₆	8.4 ₃	8.0 ₂₁	7.8 ₁₁	7.4 ₁₀	7.6 ₂₉	Đ			7.3 ₂₇	0 0	K	T	TT	
42	Lê Thị Trang	HK1	6.0 ₄₁	5.0 ₄₇	5.7 ₄₂	7.7 ₂₀	7.5 ₂₆	7.6 ₂₆	7.5 ₃₃	8.6 ₃	7.2 ₃₂	7.0 ₂₂	8.1 ₁₄	Đ			7.1 ₃₄	1 0	K	T	TT	
43	Đoàn Thị Thu Trang	HK1	6.3 ₃₇	5.6 ₃₉	7.0 ₁₇	7.8 ₁₅	7.1 ₃₄	7.2 ₄₄	6.5 ₄₄	8.0 ₂₁	6.3 ₄₆	6.8 ₃₁	8.6 ₉	Đ			7.0 ₃₇	0 0	K	T	TT	
44	Trần Thị Vân	HK1	8.5 ₇	6.4 ₂₁	7.4 ₁₁	7.5 ₂₇	8.0 ₁₅	7.8 ₂₃	7.9 ₂₂	8.1 ₁₅	8.2 ₄	7.0 ₂₂	6.9 ₃₉	Đ			7.6 ₁₃	0 0	K	T	TT	
45	Thân Thị Hà Vi	HK1	6.5 ₃₃	7.4 ₅	6.7 ₂₇	7.0 ₃₈	7.8 ₁₉	7.4 ₃₈	7.5 ₃₃	8.3 ₁₂	7.5 ₁₈	7.5 ₈	7.7 ₂₆	Đ			7.4 ₂₃	0 0	K	K	TT	
46	Nguyễn Thị Thùy Xinh	HK1	5.5 ₄₆	5.9 ₃₄	6.0 ₃₉	6.2 ₄₅	6.8 ₄₃	7.6 ₂₆	7.7 ₂₉	7.7 ₃₄	6.9 ₄₀	6.6 ₃₅	7.5 ₃₁	Đ			6.8 ₄₁	0 0	K	T	TT	
47	Nguyễn Thị Yên	HK1	5.8 ₄₄	6.1 ₃₁	5.6 ₄₃	6.4 ₄₄	5.9 ₄₆	7.6 ₂₆	7.4 ₃₅	7.9 ₂₅	5.9 ₄₇	7.1 ₁₇	6.6 ₄₂	Đ			6.6 ₄₄	0 0	K	K	TT	

Số ngày nghỉ có phép: 22

Số ngày nghỉ không phép: 0

Hạnh kiểm:

- Tốt: 42

- Khá: 5

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 9

- Khá: 38

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 9

- Tiên tiến: 38

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)